TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2022/HS-PT
Ngày 28 – 04 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhi là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 55/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Trần Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2022/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên **Trần Thị T**, sinh năm 1972 tại huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 7, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Khóm 3, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Thìn (đã chết) và bà Phùng Thị Loan (đã chết); Anh chị em ruột gồm có 06 người (lớn nhất sinh năm 1957, nhỏ nhất sinh năm 1968); Chồng tên: Đỗ Văn Dương, sinh năm 1970; Con 03 người (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân tốt; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau từ ngày 11/8/2020 cho đến ngày 13/11/2020 thì thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh tại ngoại đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Kiều D, sinh năm 1974 *(không triệu tập)*;

2. Ông Huỳnh M Thuộc, sinh năm 1967 *(vắng mặt)*;

3. Bà Tăng Thị H, sinh năm 1977 (vợ ông Thuộc) *(không triệu tập)*;

Cùng địa chỉ: Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

4. Bà Đoàn Thị Ánh N, sinh năm 1965 *(đơn xin vắng mặt)*;

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1983 (con bà Nguyệt) *(vắng mặt);*

Địa chỉ: Khóm 7, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

6. Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1974 *(không triệu tập)*;

Địa chỉ: Khóm 10, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

7. Bà Lê Thị T, sinh năm 1980 *(không triệu tập)*;

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

8. Bà Tiêu Bích T, sinh năm 1977 *(không triệu tập)*.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 16 giờ 10 phút ngày 10/8/2020 tại khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an huyện Trần Văn Thời bắt quả tang Trần Thị T đang nhận số tiền 2.540.000 đồng, đóng lãi hằng ngày từ ông Huỳnh Minh Thuộc. Tang vật thu giữ gồm: Thu giữ trên tay của Tuyết số tiền 2.540.000 đồng, tạm giữ trong bóp của Tuyết 1.229.000 đồng; 02 điện thoại di động (hiệu Nokia màu xanh đen và hiệu Samsung màu đen); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM của ngân hàng BIDV đều mang tên Trần Thị T; tạm giữ mô tô biển số 35K1-19429 Tuyết đang sử dụng, thu giữ trong cóp xe này: 01 quyển tập học sinh có ghi nhiều chữ số và 02 tờ giấy có ghi nhiều chữ và số có xác nhận của Trần Thị T.

Cùng ngày, ông Mai Văn Hoãn giao nộp cho Cơ quan điều tra các tài liệu gồm: 01 tập học sinh loại 96 trang bên ngoài bìa có chữ Lion, bên trong có nhiều chữ và số; 01 giấy nộp tiền Ngân hàng Argibank; 01 phiếu thu Ngân hàng Phương Đông; 01 giấy chứng nhận nộp tiền của Tổng Công ty buu điện Việt Nam; 01 biên nhận thu hộ của công ty cổ phần thế giới di động; 04 giấy nộp tiền mặt của Ngân hàng BIDV; 03 giấy nộp tiền Ngân hàng Argibank; 01 biên lai thu tiền phí, lệ phí của khu di tích lịch sử Núi Sam; 04 tờ giấy tập học sinh có ghi nhiều chữ và số; 03 tập học sinh 96 trang bên ngoài bìa có chữ TRAVEL AROUND THE WORLD, (trong đó, có 02 tập bên trong có ghi chữ và số, 01 tập bên trong không có ghi nội dung); 01 cuốn tập học sinh loại 96 trang bên ngoài bìa có chữ Như Ý bên trong có ghi nhiều chữ và số; 02 tập học sinh loại 96 trang bên ngoài có chữ Trường tiểu học Hòa Bình bên trong có ghi nhiều chữ và số; 01 tập học sinh bên ngoài có chữ Lion bên trong có ghi nhiều chữ và số; 01 tập học sinh loại 96 trang bên ngoài có chữ Tuổi Thơ, bên trong có ghi nhiều chữ và số; 01 tập học sinh loại 200 trang bên ngoài có chữ Strawberry, bên trong có ghi nhiều chữ và số; 07 miếng giấy tập học sinh có ghi nhiều chữ và số; 01 giấy phô tô căn cước công dân tên Trần Thị T; 01 bản phô tô hợp đồng thuê nhà; 01 phiếu thu của ngân hàng OCB; 01 tờ giấy lịch

thứ hai ngày 4 tháng 5 năm 2020 và chữ Sacombank; 03 cây viết màu đen. Ông Hoãn trình bày tất cả các đồ vật và tài liệu nêu trên là do Tuyết gửi ông Hoãn cất giùm, ông Hoãn không biết việc Tuyết cho vay lãi nặng, sau khi Tuyết bị bắt ông Hoãn đem giao nộp cho Cơ quan điều tra. Trần Thị T xác định tất cả các tài liệu này là của Tuyết.

Khám xét khẩn cấp nhà của Tuyết vào ngày 10/8/2020, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 túi xách màu xám; 05 miếng giấy nộp tiền Ngân hàng Argibank, 02 phiếu thu của Ngân hàng OCB, 01 phiếu gửi của VIETTEL và 01 giấy xác nhận nợ, tất cả đều có chữ ký xác nhận của Trần Thị T.

Quá trình điều tra, đã chứng minh được như sau:

Trong thời gian từ năm 2019 đến tháng 8/2020, Trần Thị T có cho 06 người cư trú trên địa bàn thị trấn Sông Đốc và thị trấn Trần Văn Thời vay tiền với lãi suất từ 240%/năm đến 547,5%/năm, cao gấp 12 lần đến 27,375 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm). Tuyết và người vay thỏa thuận miệng với nhau về việc vay tiền và lãi suất, Tuyết cho vay bằng 02 hình thức: Vay trả góp (tức là người vay tiền phải góp tiền mỗi ngày cho Tuyết, khi đủ thời gian thỏa thuận thì ngưng góp, không còn nợ gốc và lãi); Vay tiền đứng (tức là người vay đóng tiền lãi cho Tuyết mỗi ngày đến khi nào người vay có đủ tiền trả nợ gốc thì ngưng đóng lãi). Cụ thể như sau:

1. Trần Thị T cho Huỳnh Minh Thuộc vay số tiền 47.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, thu lợi bất chính số tiền 54.717.945 đồng, cụ thể:

- Ngày 11/01/2020 (nhằm ngày 17/12/2019 âm lịch), Tuyết cho ông Thuộc vay số tiền 20.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng, mỗi ngày Thuộc đóng lãi cho Tuyết 200.000 đồng, Thuộc đóng lãi cho Tuyết 17.000.000 đồng (tương đương 85 ngày). Theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 931.507 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính số tiền 16.068.493 đồng.

- Ngày 04/4/2020, ông Thuộc nhận phần nợ của bà Tăng Thị Huệ (vợ ông Thuộc) vay của Tuyết số tiền 27.000.000 đồng nên Tuyết tính tổng số tiền cho ông Thuộc vay là 47.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng, mỗi ngày Thuộc đóng lãi cho Tuyết 470.000 đồng, Thuộc đóng lãi cho Tuyết 40.890.000 đồng (tương đương 87 ngày). Theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 2.240.548 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính 38.649.452 đồng. Ông Thuộc chưa trả hết số tiền gốc 47.000.000 đồng cho Tuyết.

2. Trần Thị T cho Tiêu Bích Thủy vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 365%/năm, thu lợi bất chính số tiền 21.078.082 đồng, cụ thể:

- Ngày 23/8/2019 (nhằm ngày 23/7/2019 âm lịch), Tuyết cho chị Thủy vay số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng, mỗi ngày Thủy đóng lãi cho Tuyết 50.000 đồng, Thủy đóng lãi cho Tuyết được 1.500.000 đồng (tương đương 30 ngày). Theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 82.192 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính 1.417.808 đồng.

- Ngày 20/9/2019 (nhằm ngày 22/8/2019 âm lịch), Tuyết cho chị Thủy vay tiếp 5.000.000 đồng, nên tổng số tiền Tuyết cho chị Thủy vay là 10.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng, mỗi ngày chị Thủy đóng lãi cho Tuyết 100.000 đồng. Chị

Thủy đã đóng lãi cho Tuyết được 20.800.000 đồng (tương đương 208 ngày). Theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 1.139.726 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính 19.660.274 đồng. Chị Thủy chưa trả số tiền gốc 10.000.000 đồng cho Tuyết.

3. Trần Thị T cho Lê Thị Thúy vay tổng số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 365%/năm, thu lợi bất chính số tiền 1.544.110 đồng, cụ thể:

- Ngày 23/6/2020 (nhằm ngày 03/5/2020 âm lịch), Tuyết cho chị Thúy vay số tiền 10.000.000 đồng, hình thức vay tiền góp, mỗi ngày Thúy góp cho Tuyết 400.000 đồng, chị Thúy đã góp tiền gốc và lãi cho Tuyết được 6.400.000 đồng (tương đương 16 ngày). Đối với khoản vay trên, theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 87.671 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính 978.995 đồng.

- Ngày 17/7/2020 (nhằm ngày 27/5/2020 âm lịch), chị Thúy và Tuyết thỏa thuận lại số tiền vay trên thì chị Thúy còn nợ Tuyết 5.000.000 đồng, Thúy góp cho Tuyết mỗi ngày 200.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, chị Thúy đã góp tiền gốc và lãi cho Tuyết 3.200.000 đồng (tương đương 16 ngày). Đối với khoản vay trên, theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 43.836 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính 489.498 đồng. Chị Thúy còn nợ Tuyết 1.800.000 đồng.

- Ngày 29/7/2020 (nhằm ngày 09/6/2020 âm lịch), Tuyết cho chị Thúy vay số tiền 2.000.000 đồng. Hình thức vay tiền đứng, mỗi ngày đóng lãi cho Tuyết là 20.000 đồng. Chị Thúy đã trả lãi cho Tuyết 80.000 đồng (04 ngày). Đối với khoản vay trên, theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 4.384 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính 75.616 đồng. Chị Thúy còn nợ Tuyết số tiền gốc 2.000.000 đồng.

4. Trần Thị T cho Huỳnh Văn Đức vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm, thu lợi bất chính số tiền 4.671.233 đồng, cụ thể:

Ngày 01/7/2020 (nhằm ngày 11/5/2019 âm lịch), Tuyết cho anh Đức vay số tiền 30.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng, mỗi ngày Đức đóng lãi cho Tuyết 250.000 đồng, Đức đã đóng lãi cho Tuyết được 5.000.000 đồng (20 ngày). Theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 328.767 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính 4.671.233 đồng. Đức chưa trả hết nợ gốc cho Tuyết là 30.000.000 đồng.

5. Trần Thị T cho Đoàn Thị Ánh Nguyệt vay số tiền 35.000.000 đồng, lãi suất từ 243,33%/năm đến 547,5%/năm, thu lợi bất chính số tiền 37.866.894 đồng, cụ thể:

- Ngày 29/02/2020, Tuyết cho chị Nguyễn Thị Phương Thuý (con bà Nguyệt) vay giùm cho bà Nguyệt số tiền 20.000.000 đồng, hình thức vay tiền đứng, mỗi ngày chị Nguyệt đóng lãi cho Tuyết 300.000 đồng, chị Nguyệt đã đóng lãi cho Tuyết được 4.500.000 đồng (tương đương 15 ngày). Theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 164.384 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính 4.335.616 đồng.

- Ngày 15/3/2020, Tuyết cho chị Thuý vay giùm cho bà Nguyệt thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền Tuyết cho chị Nguyệt vay là 30.000.000 đồng, hình

thức vay tiền đứng, mỗi ngày chị Nguyệt đóng lãi cho Tuyết 450.000 đồng, chị Nguyệt đã đóng lãi cho Tuyết được 32.850.000 đồng (tương đương 73 ngày). Nguyệt trả nợ gốc cho Tuyết 20.000.000 đồng. Tuyết tính Nguyệt còn thiếu 8.000.000 đồng lãi và 10.000.000 đồng tiền gốc, tổng cộng là 18.000.000 đồng, Tuyết cho Nguyệt trả góp mỗi ngày 400.000 đồng, không tính lãi. Nguyệt đã trả cho Tuyết số tiền 11.000.000 đồng (gồm 10.000.000 đồng tiền vốn gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi trong số tiền lãi 8.000.000 đồng Nguyệt còn nợ Tuyết nêu trên), số tiền lãi còn nợ lại 7.000.000 đồng Tuyết cho Nguyệt không yêu cầu Nguyệt phải trả. Đối với khoản vay này, Nguyệt đã trả lại cho Tuyết xong nợ gốc 30.000.000 đồng, Tuyết nhận tổng số tiền lãi là 33.850.000 đồng (32.850.000 đồng + 1.000.000 đồng). Theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 1.236.530 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính 32.613.470 đồng.

- Ngày 23/7/2020, Tuyết cho chị Nguyệt vay tiếp 5.000.000 đồng, hình thức vay tiền góp, mỗi ngày chị Nguyệt đóng vốn và lãi cho Tuyết 200.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, tương đương lãi suất 243,33%/năm. Chị Nguyệt đã đóng lãi cho Tuyết 6.000.000 đồng (tương đương 30 ngày). Theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 82.192 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính 917.808 đồng.

6. Trần Thị T cho chị **Đỗ Kiều Duyên** vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 273,75%/năm, thu lợi bất chính số tiền 14.182.192 đồng, cụ thể:

Ngày 12/3/2020, Tuyết và chị Duyên thoả thuận xác định tổng số tiền Duyên nợ Tuyết là 20.000.000 đồng, mỗi ngày Duyên đóng lãi cho Tuyết 150.000 đồng, tương đương lãi suất 273,75%/năm, chị Duyên đã đóng lãi cho Tuyết 15.300.000 đồng (tương đương 102 ngày). Theo quy định của pháp luật số tiền lãi Tuyết được phép thu tối đa là 1.117.808 đồng (20%/năm). Như vậy, Tuyết thu lợi bất chính 14.182.192 đồng. Chị Duyên chưa trả số tiền gốc 20.000.000 đồng cho Tuyết.

Đối với các vật chứng như: Các quyển tập học sinh và các giấy tờ thu giữ của Trần Thị T nêu trên Cơ quan điều tra đã đóng bút lục đưa vào hồ sơ vụ án. Hiện còn chưa xử lý các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen; 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 010725, 01 giấy phép lái xe số 371048060052, 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV số 9704180096819602 tất cả đều tên Trần Thị T; 03 cây viết màu đen; 01 túi xách màu xám; 01 xe mô tô biển số 35K1-19.429, tiền Việt Nam đồng: 3.769.000 đồng.

Bị cái Tuyết đã dùng tổng số tiền vốn gốc là 154.000.000 đồng dùng vào việc cho vay lãi nặng. Trong đó, bị cáo Tuyết đã thu hồi từ người vay được số tiền là 43.200.000 đồng; những người vay chưa trả lại vốn gốc cho Tuyết tổng số tiền là 110.800.000 đồng gồm: Huỳnh Minh Thuộc 47.000.000 đồng, Tiêu Bích Thủy 10.000.000 đồng, Lê Thị Thúy 3.800.000 đồng, Huỳnh Văn Đức 30.000.000 đồng và Đỗ Kiều Duyên 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Tuyết thu của người vay không vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 7.459.543 đồng.

Tổng số tiền lãi Tuyết thu lợi bất chính (phần lãi suất vượt mức lãi suất 20%/năm) là 134.090.456 đồng, bao gồm: Huỳnh Minh Thuộc 54.717.945 đồng, Tiêu Bích Thủy 21.078.082 đồng, Lê Thị Thúy 1.544.110 đồng, Huỳnh Văn Đức 4.671.233 đồng, Đoàn Thị Ánh Nguyệt 37.866.894 đồng và Đỗ Kiều Duyên 14.182.192 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự. Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng tù, được đối trừ với thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2020 đến ngày 13/11/2020. Thời gian còn lại buộc bị cáo Trần Thị T phải chấp hành.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự, án phí, lãi suất và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 bị cáo Trần Thị T có đơn kháng cáo xin xem xét lại số tiền thu lợi bất chính và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và xác định không cung cấp tình tiết giảm nhẹ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo về hình phạt, sửa bản án sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau về biện pháp tư pháp, trừ số tiền bị cáo phải trả cho ông Thuộc và bà Nguyệt do ông Thuộc có đơn xác định bị cáo cho lại 07 triệu đồng, bà Nguyệt 21.900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của bị cáo Trần Thị Tt làm trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận có cho vay lãi nặng đối với 05 người là Huỳnh Minh Thuộc, Tiêu Bích Thủy, Lê Thị Thúy, Huỳnh Văn Đức, Đoàn Thị Ánh Nguyệt và Đỗ Kiều Duyên đúng như bản án sơ thẩm đã nêu nhưng bị cáo xác định đối với

khoản cho ông Huỳnh Minh Thuộc vay, bị cáo chỉ thu lợi 47.717.945 đồng nhưng bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu số tiền 54.717.945 đồng là không đúng; đối với bà Đoàn Thị Ánh Nguyệt (con là Nguyễn Phương Thúy), thực tế bị cáo chỉ thu lãi khoảng 8.900.000 đồng nhưng án sơ thẩm buộc bị cáo chịu trách nhiệm với số tiền là 37.866.894 đồng là không đúng.

Nhận thấy, trong quá trình điều tra đã xác định:

Tại "Tờ tự khai" do Trần Thị T tự ghi vào ngày 10/8/2020 (ngay sau khi bị bắt quả tang – Bút lục 164); tại "Biên bản ghi lời khai" của Trần Thị T vào ngày 11/8/2020 (sau ngày bị bắt quả tang 01 ngày - Bút lục 75); tại "Biên bản hỏi cung bị can" hỏi cung Trần Thị T vào ngày 07/9/2020 (bút lục 106), bị cáo Trần Thị T đều khai về số tiền vốn, lãi đã nhận đối với ông Huỳnh Minh Thuộc và đối với bà Đoàn Thị Ánh Nguyệt đều đúng với số tiền vốn, lãi thể hiện trong Bản cáo Trạng và Bản án sơ thẩm.

Tại "Biên bản ghi lời khai" của ông Huỳnh Minh Thuộc vào ngày 07/11/2020 (bút lục 102) và tại "Biên bản ghi lời khai" của bà Đoàn Thị Ánh Nguyệt vào ngày 22/9/2020 (bút lục 90) đều thể hiện đúng với số tiền vốn vay, lãi đã đóng thể hiện trong Bản cáo trạng và Bản án sơ thẩm.

Tại "Biên bản phiên tòa" vào ngày 17/3/2021 bị cáo Trần Thị T cũng xác định số tiền lãi suất thanh toán như Bản cáo trạng nêu là đúng (bút lục 858, 859).

Quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp xác nhận của ông Huỳnh Minh Thuộc, bà Đoàn Thị Ánh Nguyệt về việc bị cáo thấy hoàn cảnh nghèo nên có cho lại ông Thuộc 7.000.000 đồng, cho lại bà Nguyệt 28.900.000 đồng. Nhận thấy các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã trừ ra, không truy tố, xét xử đối với khoản tiền 7.000.000 đồng của lần cho vay thứ 2 (khoản vay của bà Đoàn Thị Ánh Nguyệt), nên số tiền còn lại đối với bà Nguyệt còn 21.900.000 đồng. Xét đây là các khoản tiền bị cáo Tuyết tự nguyện cho lại ông Thuộc, bà Nguyệt sau khi bị cáo đã tính toán, nhận lãi của ông Thuộc, bà Nguyệt nên đây là giao dịch dân sự khác giữa bị cáo với ông Thuộc, bà Nguyệt, sẽ được đối trừ vào số tiền mà bị cáo phải trả lại cho ông Thuộc, bà Nguyệt.

Như vậy, việc bị cáo kháng cáo cho là số tiền lãi bị cáo thực nhận không đúng với số tiền ghi nhận trong Bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

Do đó có đủ căn cứ để xác định bị cáo Tuyết đã thực hiện hành vi cho 06 người vay với lãi suất từ 240%/năm đến 547,5%/năm, cao gấp 12 lần đến 27,375 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị T đã bị Tòa cấp sơ thẩm xử phạt về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Thị T, thấy rằng:

Ngoài việc bị cáo bị truy tố với hành vi cho 06 người vay lãi nặng với số tiền thu lợi bất chính chứng minh được là 134.060.456 đồng như nêu trên, quá trình điều tra thể hiện Trần Thị T còn cho nhiều người khác vay tiền nhưng Tuyết chỉ biết tên thường gọi của họ, ngoài ra không biết thông tin gì khác, quá trình điều tra, xác minh không xác định được nhân thân lại lịch của những người này, nên Cơ

quan cảnh sát điều tra tách ra, tiếp tục điều tra làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp nhưng điều này cũng thể hiện bản chất của hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Tuyết không chỉ đối với 06 người như nêu trên.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Cấp sơ thẩm đã xem xét những tình tiết của vụ án, áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù là tương xứng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp các phiếu khám bệnh thể hiện bị cáo được chẩn đoán bệnh đau đầu, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ. Ngoài ra, bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mà chỉ chấp nhận 1 phần kháng cáo về biện pháp tư pháp (đối với số tiền của ông Thuộc, bà Nguyệt).

[3] Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận 1 phần, nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị T về hình phạt; chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị cáo về biện pháp tư pháp (số tiền thực nhận của bà Đoàn Thị Ánh Nguyệt và ông Huỳnh Minh Thuộc).

Sửa 1 phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 17/2021/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 47, 48 của Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng tù, được đối trừ với thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2020 đến ngày 13/11/2020. Thời gian còn lại buộc bị cáo Trần Thị T phải chấp hành.

3. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Tuyết nộp lại số tiền 50.659.543 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Tuyết nộp lại số tiền 105.190.456 đồng để trả cho những người sau đây: Huỳnh Minh Thuộc 47.717.945 đồng, Tiêu Bích Thủy 21.078.082 đồng, Lê Thị Thúy 1.544.110 đồng, Huỳnh Văn Đức 4.671.233 đồng, Đoàn Thị Ánh Nguyệt 15.966.894 đồng và Đỗ Kiều Duyên 14.182.192 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc Huỳnh Minh Thuộc nộp lại số tiền 47.000.000 đồng, để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc Tiêu Bích Thủy nộp lại số tiền 10.000.000 đồng, để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc Lê Thị Thúy nộp lại số tiền 3.800.000 đồng, để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc Huỳnh Văn Đức nộp lại số tiền 30.000.000 đồng, để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc Đỗ Kiều Duyên nộp lại số tiền 20.000.000 đồng, để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Tuyết:

01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen;

01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 010725 tên Trần Thị T;

01 (một) giấy phép lái xe số 371048060052 tên Trần Thị T;

01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV số 9704180096819602 tên Trần Thị T;

01 (một) túi xách màu xám;

01 (một) xe mô tô biển số 35K1-19.429;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen.

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) cây viết màu đen.

- Đối với số tiền Việt Nam 3.769.000 đồng, tiếp tục giao Cơ quan thi hành án dân sự quản lý để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Tuyết.

(Các vật chứng trên có đặc điểm, số lượng theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản lập ngày 30/11/2020, hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang tạm giữ).

5. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị cáo Tuyết phải chịu 6.704.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn đồng), tính tròn số.

- Án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Trần Thị T không phải chịu.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Công an huyện Trần Văn Thời;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh